



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Original Article

Challenges Posed in the Intellectual Property Protection Policy for Traditional Knowledge in the Creative Cultural Sector in Vietnam

Le Tung Son*

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 03rd October 2024

Revised 24th February 2025; Accepted 24th March 2025

Abstracts: Traditional knowledge in the field of creative culture is the expression of folk culture and the cultural heritage of each country - the driving force for the development of cultural industries. With the development of science and technology, especially digital transformation, the study has identified the challenges posed to the protection of traditional knowledge in the field of creative culture, focusing on managing and exploiting the material values generated from traditional knowledge. Based on these challenges, the study proposes the establishment of an information management model for copyright protection and institutional improvements to address these issues.

Keywords: Traditional knowledge, creative culture, copyright management information system, cultural institutions.

* Corresponding author.

E-mail address: letungsonkhql@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4524>

Thách thức đặt ra trong chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống thuộc lĩnh vực văn hóa sáng tạo tại Việt Nam

Lê Tùng Sơn*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 03 tháng 10 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 02 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 03 năm 2025

Tóm tắt: Tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo là những biểu đạt văn hóa dân gian và là di sản văn hóa của mỗi quốc gia – động lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số, nghiên cứu đã nhận diện những thách thức đặt ra đối với bảo hộ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo ở khía cạnh quản lý và khai thác các giá trị vật chất được tạo ra từ tri thức truyền thống, từ đó đề xuất việc thiết lập mô hình thông tin quản lý quyền tác giả cùng vấn đề hoàn thiện thể chế để khắc phục những thách thức này.

Từ khóa: Tri thức truyền thống, văn hóa sáng tạo, hệ thống thông tin quản lý quyền tác giả, thiết chế văn hóa.

1. Dẫn nhập

Kinh tế tri thức và khoa học và công nghệ là động lực chính thúc đẩy sự phát triển của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Theo OECD (1996), kinh tế tri thức dựa trên việc sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức và thông tin [1], với đặc trưng đó là nguồn lực đầu vào đó là thông tin, tri thức và nguồn lực đầu ra đó là các sản phẩm công nghiệp mang hàm lượng tri thức. Trong nền kinh tế này, tri thức truyền thống (Traditional Knowledge) hay tri thức bản địa (Indigenous Knowledge) là một trong những nguồn lực không chỉ tạo ra giá trị văn hóa, bản sắc cho mỗi địa phương, vùng miền, hay quốc gia mà còn là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững. Tri thức truyền thống theo nghĩa rộng không chỉ

bao hàm bản thân nội dung tri thức mà còn cả các biểu đạt văn hóa truyền thống (Traditional cultural expressions – TCEs) với những dấu hiệu đặc trưng gắn liền với tri thức thức đó [2] như: hình thức nghệ thuật như âm nhạc, múa, văn học, nghi lễ, và các hình thức diễn xướng dân gian khác, chúng tôi xếp các tri thức này vào nhóm văn hóa sáng tạo với những tiềm năng đóng góp cho kinh tế tri thức của mỗi quốc gia thông qua các ngành công nghiệp sáng tạo. Theo UNESCO (2022), các ngành công nghiệp văn hóa đã đóng góp 3,1% GDP và 6,2% việc làm cho toàn cầu, giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ văn hóa đạt 389, 1 tỷ USD vào năm 2019, đây cũng là một trong những ngành công nghiệp với nhiều triển vọng và tiềm năng [3].

Tại Việt Nam, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 [4] đã xác

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: letungsonkhql@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4524>

định các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, đồng thời trong chiến lược cũng xác định phần đầu giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP; tốc độ tăng trưởng hằng năm bình quân đạt 7%/năm. Thực tiễn cho thấy, tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo tại Việt Nam hết sức đa dạng. Đặt trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số không chỉ tạo ra những cơ hội trong việc tuyên truyền, phổ biến và khai thác các giá trị của tri thức truyền thống mà còn đặt ra những thách thức trong việc bảo hộ tri thức truyền thống, tránh những hành vi xâm phạm, để qua đó không chỉ khuyến khích cộng đồng địa phương gìn giữ, bảo vệ mà còn giúp cho việc phát huy các giá trị vật chất và tinh thần, tạo động lực cho việc khai thác giá trị kinh tế từ tài sản trí tuệ là tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo. Tuy vậy, trên thực tế, như đã phân tích, số lượng các tri thức truyền thống trong các lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp văn hóa tại Việt Nam là tương đối đa dạng, hơn nữa, sự liên kết giữa các hệ thống thông tin từ trung ương đến địa phương, các ngành lĩnh vực còn chưa được đồng bộ, thống nhất dẫn đến khó khăn trong việc quản lý và khai thác tài sản trí tuệ là tri thức truyền thống và đặc biệt là nguy cơ bị xâm phạm, chiếm đoạt trong môi trường số hiện nay trong các lĩnh vực thuộc các ngành công nghiệp văn hóa có thể kể đến như: nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, thiết kế, kiến trúc, thủ công mỹ nghệ,... Chính vì vậy, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ nói chung và bảo hộ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo nói riêng là những vấn đề đặt ra và cần nhận diện thấu đáo. Tại nghiên cứu này, trên cơ sở phân tích và làm rõ hiện trạng và các vấn đề đặt ra trong chính sách hiện hành đối với bảo hộ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo, bài viết đề xuất xây dựng mô hình thông tin quản lý quyền tác giả đối với tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo cùng các giải pháp hoàn thiện thể chế chính sách đi kèm để quản lý và khai thác tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo từ đó tạo động

lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam.

2. Các khái niệm có liên quan

2.1. Tri thức truyền thống thuộc lĩnh vực văn hóa sáng tạo

Khái niệm tri thức truyền thống (Traditional Knowledge) theo quan điểm của WIPO (1998-1999) định nghĩa: Tri thức truyền thống là các sản phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học dựa trên truyền thống; sự biểu diễn; các sáng chế; các phát minh khoa học; các kiểu dáng; các nhãn hiệu, tên và biểu tượng; các thông tin bí mật; và tất cả các sáng kiến hoặc sản phẩm sáng tạo khác là thành quả của hoạt động trí tuệ dựa trên truyền thống trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học hoặc nghệ thuật [5] được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách tổng thể, liên quan đến một dân tộc, một lãnh thổ cụ thể, không ngừng phát triển để đáp ứng với môi trường thay đổi [6].

Trong nghiên cứu này, tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo được hiểu theo nghĩa đó là những biểu đạt văn hóa dân gian (expressions of folklore) được biểu hiện dưới hình thức âm nhạc, múa, hát, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, câu chuyện, tác phẩm nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ như: tên gọi, chỉ dẫn địa lý và ký hiệu,... tiếp cận từ góc độ di sản văn hóa, có thể phân nhóm các tri thức truyền thống này thành các loại:

i) Di sản văn hóa phi vật thể: theo khoản 1 Điều 4 Luật Di sản văn hóa đó là các tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan đến cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. Di sản văn hóa phi vật thể có thể kể đến như: âm nhạc, múa, hát, câu chuyện, lễ hội truyền thống, tập quán xã hội, tín ngưỡng, di sản hỗn hợp (đơn cử như Di sản Nói Lý, Hát lý của người Cơ Tu vừa là di sản nghệ thuật trình diễn dân

gian, vừa là di sản tiếng nói, di sản chữ viết),... Các di sản này được thể hiện thông qua hình thức biểu đạt là biểu diễn;

ii) Di sản văn hóa vật thể: theo khoản 2 Điều 4 Luật Di sản văn hóa đó là *sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*. Tri thức truyền thống thuộc nhóm này là nền tảng cho các lĩnh vực như: kiến trúc, thủ công mỹ nghệ và các hình thức vật chất khác được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Tiếp cận từ thể chế chính sách, tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo mang những đặc điểm cơ bản đó là:

1) Từ khía cạnh di sản văn hóa: các tri thức này được hình thành trong cộng đồng thông qua hoạt động văn hóa, nghệ thuật, mang những giá trị của di sản văn hóa với điểm nổi bật đó là được gìn giữ, thực hành và lưu truyền trong cộng đồng.

2) Tiếp cận từ khía cạnh thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật hiện hành, tri thức truyền thống thuộc lĩnh vực văn hóa, sáng tạo là đối tượng điều chỉnh thuộc Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian) trong đó:

- Chủ sở hữu tác phẩm là cộng đồng nơi tri thức truyền thống được gìn giữ, thực hành và lưu truyền. Khác với những tác phẩm văn học, nghệ thuật thông thường với tác giả là một người hoặc một nhóm người, thì tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian có tác giả là tập thể, có tính cộng đồng, là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân để phản ánh khát vọng của cộng đồng.

- Cơ chế bảo hộ đối với những tác phẩm này theo quy định hiện hành có những đặc thù nhất định khác với những tác phẩm thông thường. Trong đó, pháp luật ghi nhận quyền nhân thân theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ đó là: phải dẫn chiếu xuất xứ của loại hình tác phẩm đó và gìn giữ giá trị đích thực của tác phẩm, tuy vậy chưa đề cập các cơ chế bảo hộ quyền tài sản và vấn đề khai thác thương mại đối với những tác phẩm này. Điều đó đặt ra những

thách thức nhất định trong việc khai thác các giá trị: bao gồm giá trị kinh tế và giá trị tinh thần từ những tác phẩm này.

2.2. Thông tin quản lý quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo

Theo khoản 10d Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022, thông tin quản lý quyền là: thông tin xác định về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và các điều kiện khai thác, sử dụng; số hiệu, mã số thể hiện các thông tin nêu trên. Thông tin quản lý quyền phải gắn liền với bản sao hoặc xuất hiện đồng thời với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm ghi hình, chương trình phát sóng khi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm ghi hình, chương trình phát sóng được truyền đến công chúng.

Với định nghĩa này, có thể hiểu thông tin quản lý quyền tác giả đối với tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo bao gồm các thành tố:

i) Thông tin xác định về tác phẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm: tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; ngoài ra đối với các hình thức biểu đạt văn hóa dân gian khác, có thể tồn tại các tác phẩm là chủ thể của tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo bao gồm: tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm mỹ thuật bản họa đồ, sơ đồ, bản vẽ, kiến trúc,...

ii) Tác giả, chủ sở hữu tác phẩm (hay chủ sở hữu tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo): có những đặc thù nhất định, bởi lẽ đối với các biểu đạt văn hóa dân gian nói chung và đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian nói riêng, đó là những sáng tạo tập thể, trên nền tảng truyền thống, của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng. Chính vì vậy, tác giả, chủ sở hữu đối với những tác phẩm này thuộc về cộng đồng nơi bảo tồn, thực hành, gìn giữ, thực hành;

iii) Chủ sở hữu quyền liên quan bao gồm: chủ sở hữu cuộc biểu diễn (gồm cả người biểu

diễn), chủ sở hữu bản ghi âm ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa ghi lại, biểu diễn, tái hiện mô phỏng các tác phẩm nghệ thuật, các biểu đạt văn hóa như: văn học, nghệ thuật dân gian, truyền thống thông qua hoạt động biểu diễn, thông qua đó có thể truyền đạt các biểu đạt văn hóa đến với công chúng.

3. Những thách thức trong thực thi chính sách hiện hành về bảo hộ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo tại Việt Nam

Trong chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030 (theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, ngành 12 ngành công nghiệp văn hóa bao gồm: quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa. Hầu hết các ngành này đều là các ngành có đầu vào là các sản phẩm văn hóa sáng tạo, trong đó tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo là một trong những nguồn lực đầu vào quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Từ tiếp cận di sản văn hóa, có thể thấy được, tại Việt Nam hiện nay tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo là tương đối phong phú. Hiện nay Việt Nam có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 107 di tích quốc gia đặc biệt, 13 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 02 di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, 485 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 237 bảo vật quốc gia [7], ngoài ra còn các tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa chưa được vinh danh, thống kê được lưu truyền trong các cộng đồng dân tộc. Việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa có ý nghĩa quan trọng để giúp cho các tài nguyên văn hóa này trở thành nguồn lực để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số, vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ (đặc biệt là bản quyền) trong việc bảo hộ và

khai thác giá trị của các tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa. Xin đưa ra các thách thức:

3.1. Thực thi chuyển đổi số và vấn đề khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của các thiết chế văn hóa đối với các di sản văn hóa vật thể

Các thiết chế văn hóa có chức năng lưu giữ, bảo tồn và truyền bá các giá trị văn hóa được tạo ra từ tri thức truyền thống trong đó phải kể đến các thiết chế văn hóa tiêu biểu như: các trung tâm triển lãm, phòng trưng bày và đặc biệt là 02 thiết chế được đánh giá là tương đối quan trọng có chức năng gìn giữ và phát huy các giá trị di sản văn hóa của quốc gia và địa phương. Hiện nay, chuyển đổi số trong hoạt động bảo tàng, thư viện là một trong những định hướng mà Nhà nước đặt ra, theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2021), hay Chương trình chuyển đổi ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2021) một trong những mục tiêu đặt ra đó là các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản tư liệu được số hóa và ứng dụng trên nền tảng số; các tài nguyên thông tin của thư viện cấp tỉnh (trong đó có tài liệu địa chí) được số hóa.

Việc số hóa các hiện vật, tài liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hiện đại hóa, đổi mới hoạt động của bảo tàng, thư viện – những thiết chế văn hóa bảo tồn, lưu giữ và truyền bá các tri thức truyền thống đến với cộng đồng, tuy vậy, đây cũng tiềm ẩn các vấn đề đặt ra trong việc bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ là tri thức truyền thống thông qua quá trình thực hiện số hóa và chuyển đổi số trong các thiết chế văn hóa này. Điều đáng nói là bản sao các hiện vật, di sản văn hóa vật thể có thể thực hiện số hóa và phát triển thành các cơ sở dữ liệu lớn, thông qua các công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) có thể phục dựng thành các sản phẩm, hiện vật hoặc trưng bày trên không gian mạng để khai thác thương mại. Đơn cử, thông qua một bức tranh vẽ các vị hoàng đế, hiện nay trí tuệ nhân tạo có thể phục dựng, tái hiện hình ảnh, biểu đạt của họ. Điều đáng lưu tâm là:

khi doanh nghiệp thực hiện số hóa các hiện vật trong bảo tàng, thì họ đã có được các cơ sở dữ liệu là bản sao của các hiện vật này và rất khó khăn trong việc quản lý quá trình khai thác thương mại, mua bán cơ sở dữ liệu, tạo ra các tác phẩm phái sinh để thu về lợi nhuận, những chủ thể này lại không phải là chủ sở hữu hay chủ thể được giao quản lý các tri thức truyền thống như: bảo tàng, thư viện hay cộng đồng nơi tri thức truyền thống sản sinh. Điều này gây ra những tác động đến hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, sự quan tâm của cộng đồng đến bảo tàng, thư viện phục vụ cho hoạt động tham quan, học tập... khi các hiện vật, tài liệu đều đã được công bố và khai thác thương mại trên miền cộng đồng. Đây là một thách thức tất yếu xảy ra trước yêu cầu hiện đại hóa, đổi mới hoạt động của các thiết chế văn hóa và vấn đề bảo hộ và khai thác thương mại đối với các tri thức truyền thống là các di sản văn hóa vật thể trong bối cảnh phát triển của công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số.

3.2. Thách thức trong khai thác quyền liên quan đối với các tri thức truyền thống là di sản văn hóa phi vật thể

Sự phát triển của khoa học và công nghệ cùng các nền tảng mạng xã hội hiện nay như Youtube, Facebook, Tiktok, Instagram,... đã và đang trở thành công cụ hữu hiệu trong việc truyền thông, quảng bá những giá trị của các tri thức truyền thống là di sản văn hóa phi vật thể với các loại hình nghệ thuật biểu diễn như: múa, hát,... truyền thống đến với công chúng. Đề thông qua đó phổ biến những nét đẹp, giá trị văn hóa đến với cộng đồng. Đơn cử, hiện nay, nếu ta gõ từ khóa “Dân ca ví dặm Nghệ tĩnh trên nền tảng youtube bật ở chế độ bản video (bản ghi hình) sẽ cho ra khoảng sẽ cho ra khoảng 154.000 kết quả tìm thấy được là sản phẩm có liên quan đến từ khóa trên của các kênh trên nền tảng này¹, đó là chưa kể đến những bản ghi hình gắn ghi lại các cuộc biểu diễn có liên quan đến dân ca này trên các nền tảng mạng xã hội khác như Tiktok, Facebook hay Instagram,...

Thực tiễn hoạt động cho thấy, thông qua hoạt động truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội, việc thương mại hóa các bản ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn đối với tri thức truyền thống là các biểu đạt văn hóa dân gian đặt ra những thách thức nhất định, bởi lẽ nếu như chủ sở hữu quyền tác giả của các tác phẩm này thuộc về cộng đồng nơi lưu giữ, bảo tồn, thực hành và lưu truyền các tri thức truyền thống là di sản văn hóa phi vật thể, thì chủ sở hữu quyền liên quan đến quyền tác giả có thể xảy ra vào một trong 03 trường hợp sau:

i) Trường hợp 1 (sau đây gọi là nhóm 1): do tổ chức, cá nhân thuộc cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo là chủ sở hữu, có nghĩa là thông qua hoạt động thực hành các biểu đạt văn hóa dân gian, các tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn, tạo ra các bản ghi âm ghi hình cuộc biểu diễn có chứa các biểu đạt văn hóa là tri thức truyền thống;

ii) Trường hợp 2 (sau đây gọi là nhóm 2): do cơ quan Nhà nước đại diện là chủ sở hữu, đó là các di sản văn hóa được các tổ chức quốc tế hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận, vinh danh, được lưu giữ, bảo tồn trong các thiết chế văn hóa như: bảo tàng, trung tâm lưu trữ, phòng triển lãm trưng bày, thư viện,... hoặc thông qua các tổ chức phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa do Nhà nước là chủ sở hữu;

iii) Trường hợp 3 (sau đây gọi là nhóm 3): do tổ chức, cá nhân nằm ngoài cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống mà không phải là cơ quan Nhà nước sở hữu, có thể thông qua việc thuê người biểu diễn, ghi âm ghi hình, và thực hiện phát sóng các tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo và thực hiện khai thác thương mại.

Trong bối cảnh sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay, trong số 03 trường hợp nêu trên, trường hợp số 3 là vấn đề đáng được đưa ra thảo luận, bởi lẽ việc lưu giữ, bảo tồn, gìn giữ, thực hành và truyền bá để phát huy các giá trị của tri thức truyền thống là các biểu đạt văn hóa thuộc về cộng đồng (trong nhiều trường hợp có thể được Nhà nước đầu tư kinh phí), nhưng việc

¹ Tác giả nghiên cứu thực hiện việc tra cứu vào ngày 06/4/2024.

khai thác thương mại đối với các giá trị của những tri thức truyền thống này lại thuộc về những chủ thể nằm ngoài cộng đồng mà cộng đồng lại không được hưởng lợi ích vật chất từ những chủ thể này là một vấn đề đặt ra. Thậm chí khi chủ sở hữu của các kênh không thuộc về cộng đồng nắm giữ tri thức truyền thống, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý tri thức truyền thống, thì rất có khả năng xảy ra xung đột hoặc cạnh tranh về mặt lợi ích kinh tế trong quá trình khai thác giá trị của tri thức truyền thống của các nhóm chủ sở hữu quyền liên quan khác nhau. Khi đó, sẽ xảy ra những kịch bản có thể kể đến như: trên nền tảng Youtube thông báo “đánh gậy” hay xóa kênh đối với chính bản ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn do chính cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống tạo ra do xâm phạm bản quyền đối với các bản ghi âm, ghi hình khác của các chủ thể không thuộc cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống.

3.3. Những nguyên nhân dẫn đến những thách thức

Có 02 nguyên nhân dẫn đến những thách thức nêu trên được nghiên cứu chỉ ra đó là:

i) Nguyên nhân từ thể chế: cho đến nay, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian (Khoản 2 Điều 23 của Luật Sở hữu trí tuệ) mới chỉ quy định về việc tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian phải dẫn chiếu xuất xứ của các loại hình tác phẩm và bảo đảm gìn giữ giá trị đích thực của tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian. Như vậy, chưa có quy định cụ thể về chủ sở hữu của tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian (đó là cộng đồng người nơi lưu giữ, bảo tồn, thực hành và lưu truyền các tác phẩm này), chưa có quy định về các quyền lợi về mặt tài sản mà cộng đồng (chủ sở hữu tác phẩm) được hưởng, thời hạn được hưởng để bảo đảm rằng: việc đầu tư các khoản kinh phí để gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị do các tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa này tạo ra của cơ quan Nhà nước hay của từng cộng đồng đang sở hữu có thể thu lại được những lợi ích vật chất nhất định, để có thể tiếp tục “tái đầu tư”

hoặc gìn giữ và phát triển các tri thức truyền thống này và là động lực để phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương nơi sở hữu tri thức truyền thống;

Mặt khác, chưa có những quy định pháp lý trong việc khai thác thương mại đối với các bản sao số hóa các hiện vật, tài liệu, tư liệu trong các thiết chế văn hóa thông qua không gian mạng, mức độ khai thác, vấn đề trả phí lợi ích trong việc khai thác thương mại đối với các bản sao tác phẩm đã được số hóa tương ứng với giá trị của các hiện vật, tài liệu, tư liệu là tri thức truyền thống được lưu giữ trong các thiết chế văn hóa;

ii) Nguyên nhân từ hạ tầng kỹ thuật: xét về bản chất, việc khai thác thương mại đối với tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo đó chính là việc khai thác thương mại đối với các thông tin có chứa đựng nội dung của tri thức truyền thống. Như đã phân tích, nếu như có thể xác định được chủ sở hữu quyền tác phẩm của tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo là cộng đồng dân cư nơi tri thức truyền thống đó được gìn giữ, bảo tồn, thực hành và lưu truyền, thì chủ sở hữu quyền liên quan đến quyền tác giả có thể xảy ra 03 trường hợp (như đã phân tích ở trên), trong đó, có trường hợp số 03 đó là quyền liên quan (quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn, quyền của chủ sở hữu bản ghi âm ghi hình, hay chương trình phát sóng,... thuộc về chủ thể không thuộc cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống, cũng không thuộc về cơ quan nhà nước). Sự xảy ra xung đột trong việc khai thác thương mại giữa các chủ thể xuất phát từ việc thiếu thông tin về nội dung, hình thức thể hiện biểu đạt văn hóa, cộng đồng đã và đang lưu giữ, bảo tồn, thực hành, lưu truyền hay cơ quan nhà nước đang thực hiện các biện pháp bảo tồn và phát huy các giá trị trong các thiết chế văn hóa công lập,... hay nói cách khác, chưa hình thành một hệ thống thông tin quản lý quyền để khẳng định sự tồn tại của tài sản trí tuệ là tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo để tạo điều kiện cho các chủ thể thuộc nhóm 1 có thể khai thác các giá trị của tri thức truyền thống (bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần), chủ thể thuộc nhóm 2 triển khai thực hiện các biện pháp quản lý tài sản trí tuệ tránh xảy ra xung đột với các chủ thể thuộc nhóm 3.

4. Đề xuất thiết lập mô hình thông tin quản lý quyền tác giả để bảo hộ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo

Bảo hộ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo được đề cập trong nghiên cứu được xác định dựa trên 02 yếu tố: i) Gìn giữ những giá trị đích thực của các tác phẩm; và ii) Bảo đảm quyền lợi đối với chủ sở hữu tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo cả về vật chất và tinh thần (xin lưu ý rằng, hiện nay, xét về mặt thể chế như đã phân tích ở mục 2.3. các quyền lợi về mặt vật chất đối với chủ sở hữu tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo là cộng đồng chưa được pháp luật quy định). Tuy vậy, tác giả cho rằng việc đề xuất giải pháp thiết lập hệ thống thông tin quản lý quyền sẽ là một trong những biện pháp để tối đa hóa những lợi ích về mặt vật chất mà chủ thể nhóm 1 có thể đạt được trong quá trình khai thác tri thức truyền thống, cũng như thuận tiện cho các chủ thể nhóm 2 có thể đưa ra các biện pháp quản lý. Việc hoàn thiện thể chế, đặc biệt là hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến khai thác các giá trị vật chất từ tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa được xem là một trong những điều kiện để vận hành hệ thống thông tin này.

Hiện nay, tại Việt Nam, với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa nói chung và trong lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng được các hệ thống các cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa, có thể kể đến như:

- + Hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể: các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và danh mục các nghệ nhân. Thông qua hệ thống thông tin này cũng thiết lập hệ thống báo cáo thống kê và báo cáo kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể [8].

- + Cơ sở dữ liệu về cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia: trong hệ thống này đưa ra các danh mục các cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia được công nhận;

- + Cơ sở dữ liệu về bảo tàng bao gồm: bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội ở trung ương; bảo tàng chuyên ngành thuộc các

đơn vị trực thuộc bộ, tổ chức chính trị xã hội ở trung ương, bảo tàng cấp tỉnh và bảo tàng ngoài công lập.

Ngoài ra, lưu giữ các thông tin về tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo còn có hệ thống các thư viện cấp tỉnh của 63 tỉnh thành, đó là các tài liệu địa chí: do tác giả địa phương viết, viết về địa phương cùng các tài liệu cổ quý hiếm tại địa phương.

Như vậy, thông tin về tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo từ khía cạnh bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa bước đầu được xây dựng, phản ánh tương đối đầy đủ các di sản văn hóa được các tổ chức quốc tế, quốc gia công nhận để phục vụ cho việc gìn giữ, bảo tồn và phát triển. Tuy vậy, từ khía cạnh khai thác thương mại để tạo ra các lợi ích kinh tế đối với các tài sản trí tuệ này, đặt ra yêu cầu trong việc xây dựng, tích hợp hệ thống thông tin quản lý quyền tác giả với hệ thống quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể để có thể bảo hộ và khai thác thương mại với các tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa.

Trong sơ đồ 1, có thể nhận diện vai trò của các chủ thể tham gia trong hệ thống, cụ thể như sau:

- **Chủ thể điều khiển hệ thống** đó là cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, cụ thể là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong sơ đồ này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vừa thực hiện các chức năng:

- i) Kết nối các cơ quan trực thuộc Bộ trong việc thiết lập hệ thống thông tin quản lý quyền tác giả, trong đó có 02 cơ quan quan trọng nhất đó là:

- + Cục di sản văn hóa với nhiệm vụ là nơi thu thập các thông tin đầu vào cho hệ thống (đó là các thông tin quản lý di sản văn hóa bao gồm: di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể để từ đó là nguồn dữ liệu đầu vào cho hệ thống quản lý quyền;

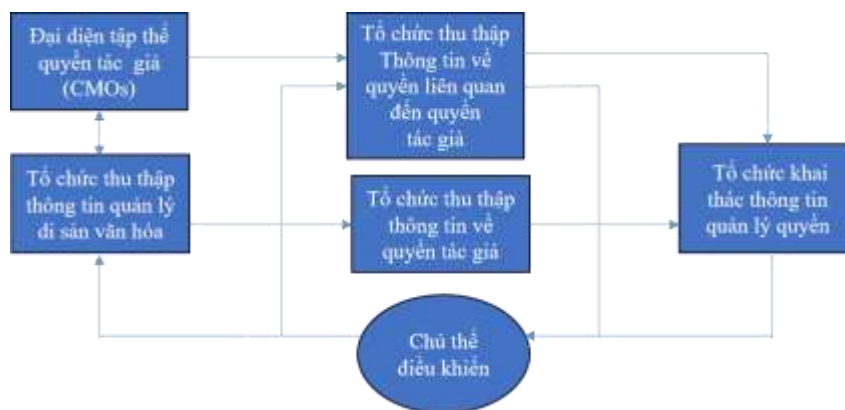
- + Cục Bản quyền tác giả trên cơ sở các dữ liệu đầu vào thực hiện việc xây dựng, xử lý, tổ chức nội dung thông tin liên quan đến chủ sở hữu tác phẩm (chủ sở hữu tri thức truyền thống thuộc về cộng đồng nào, thông tin về cộng đồng của dân tộc đó, có thể xác định đại diện chủ sở hữu của cộng đồng dân tộc đó để thuận tiện trong việc

thực thi quyền tác giả); thực hiện việc thu thập các thông tin về quyền liên quan đến quyền tác giả đối với các tri thức truyền thống được thực hiện bởi cộng đồng nơi sở hữu tri thức truyền thống để phục vụ việc khai thác.

ii) Thực hiện quản lý nhà nước và kết nối giữa các cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ như (cục Di sản văn hóa, Cục Bản quyền tác giả) với các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả là đại diện cho cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống, để hỗ trợ việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý quyền tác giả đối với tri thức truyền thống, đặc biệt trong việc thu thập các thông tin liên quan đến

người biểu diễn, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình và chương trình phát sóng (Quyền liên quan);

iii) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) thực hiện việc thu thập, thống kê, kiểm kê các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên cơ sở tích hợp các cơ sở dữ liệu trong các thiết chế văn hóa như: thư viện, bảo tàng, ban quản lý di tích tại địa phương với hệ thống thông tin quản lý quyền để phục vụ cho việc quản lý và khai thác tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo tại địa phương.



Sơ đồ 1. Mô hình hóa hệ thống thông tin quản lý quyền tác giả đối với tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa.

- Các phần tử trong hệ thống:

+ Tổ chức thu thập các thông tin về di sản văn hóa (bao gồm: di sản văn hóa vật thể, phi vật thể) bao gồm: Cục di sản văn hóa (trung ương), cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành), trong đó các thiết chế văn hóa giữ vai trò trực tiếp triển khai việc thu thập thông tin cũng như thực hiện các biện pháp để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Trong đó thông tin quan trọng nhất cần được thu thập và là đầu vào của Hệ thống thông tin quản lý quyền tác giả đó là: chủ sở hữu tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo (hay nói cách khác đó là: cộng đồng nào là chủ sở hữu của những tri thức này).

+ Tổ chức thu thập thông tin về quyền tác giả, thông tin về quyền liên quan đến quyền tác

giả: đó là cơ quan có chức năng xây dựng, xử lý, tổ chức các thông tin quản lý quyền tác giả đối với các tri thức truyền thống trên cơ sở các dữ liệu đầu vào: Cục bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Ngoài dữ liệu đầu vào do các cơ quan chuyên môn về di sản văn hóa và tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả cung cấp; các thông tin quản lý quyền có thể có được thông qua việc đăng ký bản quyền tác giả của tổ chức, cá nhân đối với các tri thức truyền thống.

+ Đại diện tập thể quyền tác giả: bao gồm các tổ chức đại diện cho chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả đối với các tri thức truyền thống, họ nhận được sự ủy thác của chủ sở hữu trong việc hỗ trợ thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đây cũng là chủ thể có thể cung cấp các thông tin về quản lý quyền tác giả, cũng là chủ thể thực hiện việc tổ chức khai thác thông tin

để phục vụ cho việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo.

+ Tổ chức thực hiện khai thác thông tin quản lý quyền: đây là nhóm chủ thể thuộc đối tượng đầu ra trong hệ thống thông tin, họ thực hiện việc khai thác và sử dụng các thông tin này để thực thi quyền sở hữu trí tuệ với tri thức truyền thống, có thể phân chia thành 04 nhóm đối tượng cơ bản đó là:

i) Cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống; tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền liên quan đối

với tri thức truyền thống là người thuộc cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống;

ii) Tổ chức, cá nhân không thuộc cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống có nhu cầu khai thác tri thức truyền thống;

iii) Cơ quan quản lý nhà nước, các thiết chế văn hóa;

iv) Các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả và các tổ chức sử dụng thông tin quản lý quyền tác giả hỗ trợ cho cộng đồng là chủ sở hữu quản lý và khai thác tri thức truyền thống.

Bảng 1. Minh họa khung mẫu của chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống thuộc lĩnh vực văn hóa, sáng tạo

Tiêu chí	Khung chính sách hiện hành	Khung chính sách đề xuất hoàn thiện
Triết lý	Gìn giữ tính nguyên vẹn giá trị đích thức, bảo tồn tri thức truyền thống là di sản văn hóa.	Kết hợp gìn giữ tính nguyên vẹn và các giá trị của tri thức truyền thống với việc thúc đẩy sáng tạo và khai thác thương mại đối với tài sản trí tuệ dựa trên tri thức truyền thống.
Hệ quan điểm	Gìn giữ, bảo tồn, phi thương mại	Gìn giữ, bảo tồn kết hợp Khai thác lợi ích thương mại, tạo ra lợi nhuận về kinh tế cho cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống.
Hệ chuẩn mực	- Quản lý di sản văn hóa. - Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Các thiết chế văn hóa công lập giữ vai trò trong việc gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của cộng đồng - Bất kỳ chủ thể nào cũng có thể khai thác tri thức truyền thống miễn sao tôn trọng và ghi nhận những đóng góp của cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống	- Quản lý di sản văn hóa và quản lý quyền sở hữu trí tuệ; - Nhà nước giữ vai trò chính, có sự tham gia của tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp trong việc gìn giữ, bảo tồn và khai thác giá trị thương mại. - Chỉ có cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống mới được quyền khai thác thương mại tri thức truyền thống, các chủ thể khác ngoài cộng đồng khi muốn khai thác thương mại phải xin phép và “trả phí”.
Hệ khái niệm	Gìn giữ. Bảo tồn. Ghi nhận đóng góp.	“Khai thác giá trị kinh tế”. “Trả phí công bằng”.

- **Mối liên hệ, tương tác giữa các phần tử trong hệ thống:**

Có những mối liên hệ tương tác giữa các phần tử trong hệ thống như sau:

+ Mối liên hệ giữa các cơ quan Nhà nước: đó là sự liên kết, phối hợp giữa Cục di sản văn hóa và Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành trong việc thu thập, xử lý, tổ chức

thông tin quản lý quyền tác giả đối với tri thức truyền thống;

+ Mối liên hệ giữa cơ quan Nhà nước với tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả (CMOs) trong việc phối hợp thu thập thông tin quản lý quyền, làm cơ sở hỗ trợ cộng đồng là chủ sở hữu tri thức truyền thống quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ;

+ Mối liên hệ giữa cơ quan Nhà nước với cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống và những tổ chức cá nhân khác trong việc sử dụng thông tin quản lý quyền trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống.

4. Khuyến nghị hàm ý chính sách

Như vậy, chúng tôi khuyến nghị việc hoàn thiện chính sách cần thực hiện với 02 mục tiêu cơ bản:

i) Bổ sung các quy định về quyền tài sản đối với cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống và thiết lập cơ chế “trả phí công bằng” đối với việc tổ chức, cá nhân nằm ngoài cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống sử dụng các tài sản trí tuệ này cho mục đích thương mại, nội dung này cần được hoàn thiện trong pháp luật về sở hữu trí tuệ;

ii) Thiết lập cơ chế “trả phí công bằng” trong hợp tác công tư giữa các bên liên quan trong việc triển khai các dự án chuyển đổi số trong các thiết chế văn hóa, việc tạo ra các bản sao kỹ thuật số, bản ghi âm ghi hình,... bảo đảm việc gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết chế văn hóa, nội dung này cần được hoàn thiện trong pháp luật về di sản văn hóa.

5. Kết luận

Tri thức truyền thống trong lĩnh vực văn hóa, sáng tạo tại Việt Nam là một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc bảo hộ tri thức truyền thống đã và đang là một trong những thách thức. Đứng trên giác độ bảo vệ các quyền và lợi ích vật chất cho cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống, nghiên cứu đã chỉ ra những vấn đề đặt ra trong việc quản lý và khai thác các giá trị vật chất và tinh thần để phục vụ cho sự phát triển của kinh tế-xã hội của địa phương. Từ đó, đề xuất giải pháp về xây dựng mô hình thông tin quản lý quyền tác giả với sự tham gia của cơ quan nhà nước – tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả và cộng đồng sở hữu tri thức truyền thống và các chủ thể khác trong việc quản lý và khai thác tri tài sản trí tuệ cùng các giải pháp hoàn thiện thể chế đi kèm.

Bài viết này là kết quả của đề tài nghiên cứu mã số CS.2024.18 do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Tài liệu tham khảo

- [1] OECD, The Knowledge-base Economy, 1996, <https://one.oecd.org/document/OCDE/GD%2896%29102/En/pdf>. (accessed on: May 21st, 2024).
- [2] WIPO, Traditional Knowledge - List and Brief Technical Explanation of Various Forms in which Traditional Knowledge May be Found, WIPO, 2010, <https://www.wipo.int/tk/en/tk/> (accessed on: May 21st, 2024).
- [3] UNESCO, Reshaping Policies for Creativity, Addressing Culture As A Global Public Good, 2022, pp. 5, <https://www.unesco.org/reports/reshaping-creativity/2022/en/download-report> (accessed on: May 21st, 2024).
- [4] P. Minister, Decision No. 1755/QĐ-TTg Dated 8 September 2016 of the Prime Minister Approving The Development Strategy of Vietnamese Cultural Industry by 2020 and with a Vision to 2030, 2016 (in Vietnamese).
- [5] WIPO, Traditional Knowledge - List and Brief Technical Explanation of Various Forms in which Traditional Knowledge May be Found, WIPO, 2010, <https://www.wipo.int/tk/en/tk/> (accessed on: May 21st, 2024).
- [6] UNESCO, Reshaping Policies for creativity, Addressing Culture As A Global Public Good, 2022, pp. 5, <https://www.unesco.org/reports/reshaping-creativity/2022/en/download-report> (accessed on: May 21st, 2024).
- [7] P. Minister, Decision No. 1755/QĐ-TTg Dated 8 September 2016 of the Prime Minister Approving The Development Strategy of Vietnamese Cultural Industry by 2020 and with a Vision to 2030, 2016 (in Vietnamese).
- [8] T. V. Hai, Commercial Exploitation of Traditional Knowledge, Journal of Scientific Activities, Vol. 3, No. 633, 2012, pp. 54-59 (in Vietnamese).
- [9] WIPO, Intellectual Property Needs and Expectation of Traditional Knowledge Holders, in WIPO Report on Fact-Finding Missions on Intellectual Property and Traditional Knowledge (1998-1999).
- [10] Cultural Heritage Information, Department of Cultural Heritage - Ministry of Culture, Sports and Tourism, <http://dsvh.gov.vn/thong-tin-di-san-van-hoa-121> (accessed on: May 21st, 2024) (in Vietnamese).
- [11] Cultural Heritage Database Portal, Department of Cultural Heritage - Ministry of Culture, Sports and Tourism, <https://dsvhpvt.dsvh.gov.vn/Home.aspx> (accessed on: May 21st, 2024) (in Vietnamese).